

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 04/01/2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hồng**

2. Ông **Nguyễn Thanh Hoàng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử công khai vụ án thụ lý số 293/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1979. Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Trần Công G**, sinh năm 1977. Vắng mặt không lý do.

Cùng địa chỉ: Hẻm 47, khu phố 2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 03.11.2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, chị Phạm Thị M – nguyên đơn trình bày:

Chị Phạm Thị M và anh Trần Công G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H.T (cũ) nay là phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01, đăng ký ngày 17/12/2002.

Sau khi kết hôn, chị và anh G sống hạnh phúc được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh G thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không lo cho kinh tế gia đình. Chị M đã nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ cho anh G, nhưng anh vẫn không thay đổi mà còn dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị M. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện chị và anh G vẫn còn sống chung, nhưng không còn quan tâm, chăm sóc và chia sẻ cho nhau. Nay, chị Mãnh xét thấy không còn tình cảm với anh G, mục đích hôn nhân không đạt được, chấm dứt hôn nhân là cần thiết nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Công G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung: Trần Gia H, sinh ngày 27/01/2005. Chị M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: Anh Trần Công G trình bày:

Anh G thừa nhận về hôn nhân, con chung và bản thân anh có những sai sót, khuyết điểm như chị M trình bày, nhưng đánh giá mâu thuẫn hôn nhân chưa đến mức trầm trọng. Chị M hiểu lầm anh vì cho rằng anh cầm cố xe máy của vợ chồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân, nhưng thật ra anh cầm xe nhằm mục đích có vốn làm ăn riêng, không làm chung với bạn nữa. Anh G vẫn còn yêu thương vợ con, muốn chị M cho anh cơ hội để sửa đổi và hàn gắn với chị, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp chị M vẫn kiên quyết ly hôn và Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia H.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh G vắng mặt không lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trần Gia H, sinh ngày 27/01/2005.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Phạm Thị M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Công G đến lần thứ hai, nhưng anh G vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Trần Công G là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh G thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, khi chị khuyên can thì anh dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Nay, chị không còn tình cảm với anh G nên yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết, anh G thừa nhận bản thân có khuyết điểm như chị M trình bày nhưng vẫn còn yêu thương chị M nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn hôn nhân giữa vợ chồng chị M, anh G xuất phát từ những khuyết điểm của anh G, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, quá trình giải quyết, mặc dù anh G tha thiết mong muốn hàn gắn nhưng chị M vẫn kiên quyết ly hôn. Trước đây chị M đã nộp đơn ly hôn, anh G hứa sửa đổi và viết cam kết nhưng anh chị vẫn xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa thuận. Chị M không còn tình cảm với anh G nên không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho anh. Tại phiên tòa, anh G vắng mặt không lý do. Như vậy, đủ căn cứ kết luận mâu thuẫn hôn nhân giữa chị M và anh G đã trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn của chị Phạm Thị M là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Xét về điều kiện việc làm, chị M có công việc, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con và chăm sóc con, cháu Trần Gia H cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chia cho chị Phạm Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trần Gia H, sinh ngày 27/01/2005 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M.

Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Trần Công G.

2. Về con chung: Chia cho chị Phạm Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Trần Gia H (giới tính nữ), sinh ngày 27/01/2005.

Anh Trần Công G được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017523 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Phạm Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho chị M biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04.01.2018). Riêng anh Trần Công G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Vũ Toàn